

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long

Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

00
TY
HUU H
TITET
NAM
TP. T

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Điền Nghệ Thần	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017, đổi tên thành Điền Dục Thanh kể từ ngày 22 tháng 03 năm 2018)
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Số: 810 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0042-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1576-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.307.443	14.597.914
I. Tiền	110	4	4.093.028	3.213.943
1. Tiền	111		4.093.028	3.213.943
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.820.986	10.868.421
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.480.434	2.943.162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		330.711	689.894
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	9.841	7.241.634
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(6.269)
III. Hàng tồn kho	140	8	388.752	506.236
1. Hàng tồn kho	141		400.213	541.022
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.461)	(34.786)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.677	9.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		4.677	9.314
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.369.072	45.680.109
I. Tài sản cố định	220		39.444.729	42.072.093
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	38.658.395	41.046.511
- Nguyên giá	222		53.470.245	53.592.735
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.811.850)	(12.546.224)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	786.334	1.025.582
- Nguyên giá	228		4.480.882	4.477.521
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.694.548)	(3.451.939)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.003.379	2.417.788
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.003.379	2.417.788
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		501.553	770.817
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		233.111	386.166
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	18.018	26.161
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		250.424	358.490
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		49.676.515	60.278.023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.205.421	13.959.887
I. Nợ ngắn hạn	310		5.822.137	7.928.800
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	613.723	404.519
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	1.152.848	811.840
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	340.689	605.005
4. Phải trả người lao động	314		394.954	804.089
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		14.662	19.376
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	676.059	992.406
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	2.629.202	4.291.565
II. Nợ dài hạn	330		3.383.284	6.031.087
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	2.645.533	3.645.533
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18	647.659	2.261.015
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		90.092	124.539
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		40.471.094	46.318.136
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	40.471.094	46.318.136
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(7.515.271)	(1.668.229)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(1.669.729)	(843.100)
- (Lỗ) năm nay	421b		(5.845.542)	(825.129)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		49.676.515	60.278.023



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: USD	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		8.566.584	13.815.130
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	37.063
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		-	37.063
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		8.566.584	13.778.067
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		10.875.898	10.466.545
5. (Lỗ)/Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		(2.309.314)	3.311.522
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	216.770	329.146
7. Chi phí tài chính	22	23	594.086	943.234
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		543.497	703.650
8. Chi phí bán hàng	25	24	1.055.441	1.206.788
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	2.339.235	1.904.452
10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(6.081.306)	(413.806)
11. Thu nhập khác	31	25	448.436	86.891
12. Chi phí khác	32	25	160.638	394.239
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		287.798	(307.348)
14. Tổng (Lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.793.508)	(721.154)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	43.891	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	26	8.143	103.975
17.(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(5.845.542)	(825.129)
18. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	27	(0,083)	(0,012)

Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Vỹ
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) trước thuế	01	(5.793.508)	(721.154)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.754.649	2.656.902
Các khoản dự phòng	03	(64.041)	(519.875)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.672	(74.647)
(Lãi) từ thanh lý tài sản cố định	05	44.082	(8.971)
Chi phí lãi vay	06	543.497	703.650
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.510.649)	2.035.905
Thay đổi các khoản phải thu	09	9.386.971	902.009
Thay đổi hàng tồn kho	10	248.875	25.586
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.961.411)	1.897.948
Thay đổi chi phí trả trước	12	157.692	59.322
Tiền lãi vay đã trả	14	(548.094)	(700.737)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(43.891)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.729.493	4.220.033
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(565.281)	(2.621.821)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	9.077	150.976
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(556.204)	(2.470.845)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.990.701	8.638.669
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(9.287.569)	(8.917.909)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.296.868)	(279.240)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	876.421	1.469.948
Tiền đầu năm	60	3.213.943	1.745.303
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.664	(1.308)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	4.093.028	3.213.943

Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng

Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.425 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.815 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CKDT ngày 12 tháng 6 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:



<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
 Hàng giải khát
 Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
 Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
 Bình quân gia quyền
 Giá đích danh
 Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất nằm mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều năm kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời năm và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u> USD	<u>Số đầu năm</u> USD
Tiền mặt	1.187.591	1.271.284
Tiền gửi ngân hàng	2.905.437	1.942.659
	<u>4.093.028</u>	<u>3.213.943</u>

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u> USD			<u>Số đầu năm</u> USD		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411
	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>	<u>419.411</u>	<u>-</u>	<u>419.411</u>

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u> USD	<u>Số đầu năm</u> USD
Đại lý Ta Yang Chen	788.322	918.334
Đại lý Long Bay	559.316	1.354.485
Khách đoàn Long Bay	50.755	160.428
Đại lý Chúng Phát	16.803	104.666
Tập đoàn giải trí Kim Long (thuê bao phòng)	-	309.889
Các khoản phải thu khách hàng khác	65.238	95.360
	<u>1.480.434</u>	<u>2.943.162</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Phải thu tiền bồi thường (*)	-	7.234.475
Phải thu khác	9.841	7.159
	9.841	7.241.634

(*) Bao gồm giá trị phải thu tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất và đền bù khác từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND thành phố Hạ Long. Công ty đã nhận được số tiền đền bù này vào ngày 08 tháng 8 năm 2017.

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	204.583	-	320.879	(2.738)
Hàng hóa	195.630	(11.461)	220.143	(32.048)
	400.213	(11.461)	541.022	(34.786)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 23.325 USD (năm 2016: 8.711 VND) do trong năm, Công ty đã thanh lý một phần số hàng tồn kho đã trích lập từ các năm trước.

9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cổ định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	38.357.449	11.729.644	1.223.633	806.379	1.475.630	53.592.735
Tăng do mua sắm	-	134.294	-	39.049	3.740	177.083
Thanh lý trong năm	65.915	190.023	43.635	-	-	299.573
Điều chỉnh khác	(18)	(5)	1	-	22	-
Số dư cuối năm	38.291.516	11.673.910	1.179.999	845.428	1.479.392	53.470.245
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	5.240.450	5.536.505	490.513	430.888	847.868	12.546.224
Khấu hao trong năm	894.059	1.076.313	126.931	149.538	265.199	2.512.040
Thanh lý trong năm	15.066	187.713	43.635	-	-	246.414
Điều chỉnh khác	2	(94)	(2)	(1)	95	-
Số dư cuối năm	6.119.445	6.425.011	573.807	580.425	1.113.162	14.811.850
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư cuối năm	32.172.071	5.248.899	606.192	265.003	366.230	38.658.395
Số dư đầu năm	33.116.999	6.193.139	733.120	375.491	627.762	41.046.511

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 35.766.929 USD (31 tháng 12 năm 2016: 37.997.652 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cổ định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 438.485 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 526.046 USD) và thiết bị đang chờ tiêu hủy với nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế là 152.316 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 152.316 USD).

Nguyên giá của tài sản cổ định bao gồm các tài sản cổ định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.569.544 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.685.280 USD).

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất USD	Phần mềm kế toán USD	Tổng USD
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.394.268	83.253	4.477.521
Tăng trong năm	-	3.361	3.361
Số dư cuối năm	4.394.268	86.614	4.480.882
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	3.383.655	68.284	3.451.939
Khấu hao trong năm	237.809	4.800	242.609
Điều chỉnh khác	(76)	76	-
Số dư cuối năm	3.621.388	73.160	3.694.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	772.880	13.454	786.334
Số dư đầu năm	1.010.613	14.969	1.025.582

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và 18, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.715 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 61.715 USD).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong năm:

	Năm nay USD	Năm trước USD
Số đầu năm	2.417.788	1.583.626
Tăng trong năm	766.713	1.812.472
Kết chuyển sang tài sản cố định	-	(839.716)
Giảm khác	(181.122)	(138.594)
Số cuối năm	3.003.379	2.417.788

Chi tiết số dư:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn Hoàng Gia	886.495	516.256
- Câu lạc bộ	128.192	104.320
- Nhà đa năng	1.988.692	1.797.212
	3.003.379	2.417.788

12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	Dự phòng trợ cấp thôi việc	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Tổng
	USD	USD	USD
Số đầu năm	24.908	1.253	26.161
Kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(6.890)	(1.253)	(8.143)
Số cuối năm	18.018	-	18.018

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD	USD	USD	USD
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & an toàn Đông Đô	90.126	90.126	2.207	2.207
Công ty TNHH Dự Thành	82.605	82.605	67.134	67.134
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	56.153	56.153	56.017	56.017
Phải trả cho các đối tượng khác	384.839	384.839	279.161	279.161
Cộng	613.723	613.723	404.519	404.519

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (*)	1.133.893	803.893
Khác	18.955	7.947
	1.152.848	811.840

(*) Giá trị ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng - xem thêm tại Thuyết minh số 29 về Cam kết cho thuê hoạt động.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	USD	USD	USD	USD
Thuế giá trị gia tăng	105.400	802.118	775.128	132.390
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.017	10.017	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	330.137	1.374.490	1.523.365	181.262
Thuế nhập khẩu	-	11.942	11.942	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	43.891	43.891	-
Thuế thu nhập cá nhân	16.691	198.149	187.803	27.037
Thuế khác	152.777	18.934	171.711	-
Cộng	605.005	2.459.541	2.723.857	340.689

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	152	24.197
- Đại lý Long Bay	-	6.599
- Đại lý Kim Long	152	17.598
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	675.907	968.209
+ Chíp trôi nổi	306.144	600.553
+ Điều chỉnh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (i)	166.041	-
+ Bảo hành xây dựng	114.764	208.120
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	6.618	6.602
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.047	84.774
+ Khác	81.293	68.160
Cộng	676.059	992.406
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.645.533	3.645.533
- Đại lý Đại Dương Thành	1.500.000	1.500.000
- Đại lý Long Bay	1.145.533	1.145.533
- Đại lý Kim Long	-	1.000.000
Cộng	2.645.533	3.645.533

(i) Thể hiện số thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đã kê khai liên quan đến hoạt động Casino trong năm 2015 và 2016. Tại thời điểm phát hành báo cáo này Công ty đang làm thủ tục với cơ quan thuế để điều chỉnh giảm nghĩa vụ thuế trên và Công ty tin tưởng rằng sẽ được cơ quan thuế chấp thuận.

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	2.601.642	2.601.642	5.166.167	5.434.404	2.333.405	2.333.405
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Long (ii)	972.492	972.492	842.275	1.814.767	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)	717.431	717.431	649.518	1.071.152	295.797	295.797
	4.291.565	4.291.565	6.657.960	8.320.323	2.629.202	2.629.202

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 54 tỷ VND (từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 hạn mức là 50 tỷ VND) tương đương 2,4 triệu USD (tỷ giá 22.675 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 30 tháng 11 năm 2018. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 18 được thế chấp bằng bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Long bằng VND, hợp đồng hạn mức được ký ngày 21 tháng 7 năm 2017, số 2017/HM/HG-VCBHL với hạn mức tín dụng là 20 tỷ VND tương đương 882 ngàn USD (tỷ giá 22.675 VND/USD) có thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 thể hiện các khoản giải ngân trong năm và sẽ được trả nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	2.213.712	2.213.712	-	1.599.922	613.790	613.790
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Long (ii)	47.303	47.303	-	13.434	33.869	33.869
	2.261.015	2.261.015	-	1.613.356	647.659	647.659

(i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,5 triệu USD (tỷ giá 22.675 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, năm trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời năm và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2016: 170 tỷ VND).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với số tiền là 1,54 tỷ VND tương đương 67,92 nghìn USD (tỷ giá 22.675 VND/USD), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 8,8%/năm trong năm đầu tiên và trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân có năm hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam + biên 2,8%/năm từ năm thứ 2 trở đi. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng xe ô tô khách 29 chỗ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Trong vòng một năm	295.797	717.431
Trong năm thứ hai	295.797	717.431
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	351.862	1.543.584
	943.456	2.978.446
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 17)	(295.797)	(717.431)
Số phải trả sau 12 tháng	647.659	2.261.015

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư đầu năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(841.600)	47.144.765
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(825.129)	(825.129)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Số dư cuối năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(1.668.229)	46.318.136
Số dư đầu năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(1.668.229)	46.318.136
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(5.845.542)	(5.845.542)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Số dư cuối năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(7.515.271)	40.471.094

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2016: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối năm				Số đầu năm	
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100%	42.309.870	703.687.540	100%

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty đã quyết định sát nhập 03 bộ phận kinh doanh của Công ty là khách sạn Hoàng Gia Hạ Long, Biệt thự và Ca múa nhạc dân tộc, theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty sẽ chỉ gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau. Số liệu so sánh là số liệu đã được trình bày lại cho phù hợp với bộ phận kinh doanh của năm hiện tại.

Năm nay

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	2.988.502	5.578.082	-	8.566.584
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	940.422	1.846.754	-	2.787.176
3. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(5.201.424)	(879.882)	-	(6.081.306)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	191.459	38.829	-	230.288
5. Tài sản bộ phận	10.843.500	33.699.514	(12.695.162)	31.847.852
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	17.828.663
Tổng tài sản	10.843.500	33.699.514	(12.695.162)	49.676.515
7. Nợ phải trả bộ phận	17.138.662	2.971.654	(12.695.162)	7.415.154
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.790.267
Tổng Nợ phải trả	17.138.662	2.971.654	(12.695.162)	9.205.421

Năm trước

	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia (Trình bày lại)	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	3.898.322	9.879.745	-	13.778.067
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	851.216	1.886.594	-	2.737.810
3. Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(3.425.652)	3.011.846	-	(413.806)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	551.483	968.254	-	1.519.737
5. Tài sản bộ phận	12.309.994	55.368.166	(25.658.044)	42.020.116
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	18.257.907
Tổng tài sản	12.309.994	55.368.166	(25.658.044)	60.278.023
7. Nợ phải trả bộ phận	13.663.792	23.736.130	(25.658.044)	11.741.878
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	2.218.009
Tổng Nợ phải trả	13.663.792	23.736.130	(25.658.044)	13.959.887

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	642.384	656.047
Chi phí nhân công	7.887.743	7.409.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.754.649	2.656.902
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	2.985.798	2.855.751
	14.270.574	13.577.785

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.877	902
Lãi chênh lệch tỷ giá	57.152	228.667
Doanh thu hoạt động tài chính khác	111.741	99.577
	216.770	329.146

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí lãi vay	543.497	703.650
Lỗ chênh lệch tỷ giá	50.589	239.584
	594.086	943.234

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	689.727	722.171
Chi phí dụng cụ sản xuất	27.555	69.499
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.152	51.652
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.152	80.955
Các chi phí bằng tiền khác	234.855	282.511
	1.055.441	1.206.788
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.585.993	1.584.931
Chi phí dụng cụ sản xuất	51.649	67.613
Chi phí khấu hao TSCĐ	50.151	48.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.315	254.186
Các chi phí bằng tiền khác	405.396	458.882
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(6.269)	(509.552)
	2.339.235	1.904.452

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong năm

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Thu nhập từ phí phục vụ không chi hết của năm 2016 và 2017 (*)	350.753	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	-	8.971
Các khoản thu nhập khác	97.683	77.920
	448.436	86.891

Các khoản chi phí khác phát sinh trong năm

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	44.081	-
Các khoản chi phí khác	116.557	394.239
	160.638	394.239

(*) Phản ánh số dư phí dịch vụ không chi hết lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2017 được kết chuyển vào thu nhập khác theo quyết định của Ban Giám đốc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
(Lỗ) kế toán trước thuế	(5.793.508)	(721.154)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	266.238	818.060
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	80.099	120.930
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	(5.979.647)	(1.418.284)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN nộp thêm từ các năm trước (i)	43.891	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	8.143	103.975
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	8.143	103.975

(i) Chi phí thuế TNDN nộp bổ sung theo kết quả thanh tra thuế ngày 06 tháng 10 năm 2017.

27. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(5.845.542)	(825.129)
(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(5.845.542)	(825.129)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (USD)	<u>(0,083)</u>	<u>(0,012)</u>

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
VND	65.115.625.295	3.552.494.453
KRW	1.080.000	1.639.000
JMP	147.951	164.554
THB	16.320	6.500
NTD	2.000	88.200
HKD	1.950	21.100
JPY	80.000	20.000
SGD	-	100

29. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị đã đầu tư là 1.988.692 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 834.612 USD.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết cho thuê hoạt động

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh về việc cho thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 28 tháng 02 năm 2026. Tại ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận với Diệu Doanh, theo đó, thời hạn cho thuê sẽ tính từ thời điểm Công ty bàn giao nhà cho Diệu Doanh, giá trị hợp đồng và các điều khoản khác không thay đổi.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.108.936 USD (31 tháng 12 năm 2016: 1.326.556 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp
Bà Nguyễn Tiểu Mai

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Thành viên Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	USD	USD
Thu nhập của Ban Giám đốc	73.608	77.099

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 473.265 USD (năm 2016: 433.704 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 319.388 USD (năm 2016: 661.703 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc